**Mẫu số 03**

**THUYẾT MINH DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

|  |  |
| --- | --- |
| **1** | **Tên dự án:** |
| **2** | **Thời gian thực hiện: .......… năm**  (Từ năm 20... đến năm 20... |
| **3** | **Địa điểm thực hiện:** (nêu các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương dự kiến triển khai dự án) |
| **4** | **Kinh phí …............. triệu đồng, trong đó:**  - Từ nguồn NSNN: …........ triệu đồng  - Từ nguồn đối ứng: …........ triệu đồng  - Từ nguồn khác: …........ triệu đồng |
| **5** | **Lĩnh vực chuyên ngành**  **\*** Trồng trọt; \* Chăn nuôi; \* Thủy sản;  \* Lâm nghiệp; \* Khuyến công; \* Khác: …......... |
| **6** | **Chủ nhiệm dự án**  Họ và tên: ..................................................................................................................  Năm sinh: ...................................................... Giới tính: Nam/Nữ  Số CMTND/hộ chiếu ………Cơ quan cấp ………cấp ngày…….. tháng…… năm …..  Học hàm, học vị: ........................................................................................................  Chức vụ: .....................................................................................................................  Địa chỉ nơi cư trú: .......................................................................................................  Điện thoại: CQ: ................. NR: ....................... Di động: ...........................................  Fax: ...............................  Email:.................................................................................  Quá trình công tác, kinh nghiệm của Chủ nhiệm dự án trong hoạt động khuyến nông hoặc hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong 5 năm trở lại đây (tóm tắt trong 1/2 trang): |
| **7** | **Tổ chức chủ trì dự án**  Tên tổ chức chủ trì dự án: ..........................................................................................  Điện thoại: ............................... Fax: ..........................................................................  Email:..........................................................................................................................  Website:.......................................................................................................................  Địa chỉ: ........................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng cơ quan: ...................................................................................  Số tài khoản: ...............................................................................................................  Ngân hàng/Kho bạc:....................................................................................................  Năng lực và thành tựu của Tổ chức chủ trì dự án trong hoạt động khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp: (tóm tắt trong 1/2 trang): |

**II. NỘI DUNG DỰ ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tính cấp thiết, cơ sở, căn cứ xây dựng dự án (Nêu tóm tắt không quá 03 trang)** | | | | | |
| a | Hiện trạng, chủ trương, chính sách và nhu cầu của sản xuất | | | | | |
| b | Tiến bộ khoa học công nghệ, tiến bộ về quản lý dự kiến áp dụng (nguồn gốc, xuất xứ, mức độ công nhận, chủ trương của bộ, địa phương áp dụng vào sản xuất...) | | | | | |
| c | Căn cứ pháp lý xây dựng dự án (văn bản pháp luật liên quan, định mức tiến bộ kỹ thuật, quyết định phê duyệt danh mục dự án đặt hàng...) | | | | | |
| **2** | **Mục tiêu của dự án (Bám sát và cụ thể hóa theo mục tiêu đặt hàng)** | | | | | |
| a | Mục tiêu tổng quát: | | | | | |
| b | Mục tiêu cụ thể: | | | | | |
| **3** | **Nội dung dự án** | | | | | |
| a | Xây dựng mô hình trình diễn:  - Số mô hình (tỉnh, thành phố), số điểm theo mô hình (xã, phường), quy mô mô hình, điểm trình diễn (diện tích, số đầu con...), số hộ tham gia...  - Loại giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản và vật tư, thiết bị dự kiến áp dụng tại mô hình (nguồn gốc, xuất xứ, số lượng, yêu cầu chất lượng...).  - Tiến bộ về tổ chức quản lý sản xuất dự kiến áp dụng tại mô hình (liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm...)  - Kết quả dự kiến tại các mô hình, điểm trình diễn.  - Chi tiết quy trình kỹ thuật và biện pháp tổ chức quản lý sản xuất áp dụng trong mô hình (có thể xây dựng thành các phụ lục kèm theo). | | | | | |
| b | Đào tạo, tập huấn:  - Nêu rõ số lượng, số lần, số lớp tập huấn cho các đối tượng nông dân tham gia thực hiện mô hình; cho các đối tượng nông dân khác ngoài mô hình để nhân rộng mô hình; nêu rõ kết quả dự kiến đạt được. | | | | | |
| c | Thông tin tuyên truyền:  - Nêu rõ số Hội nghị tổng kết, hội nghị tham quan đầu bờ, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, hoạt động tuyên truyền khác (truyền hình, đài, báo, tạp chí, tài liệu, ấn phẩm, pano,...)  - Kết quả dự kiến đạt được... | | | | | |
| d | Quản lý dự án  - Kiểm tra, nghiệm thu, hoạt động khác... | | | | | |
| **4** | **Phương pháp triển khai dự án** | | | | | |
| a | Phương pháp tổ chức thực hiện:  Việc phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chính quyền, tổ chức khuyến nông địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân khác và các hộ dân để triển khai dự án... | | | | | |
| b | Phương pháp triển khai dự án (Nêu cụ thể cho từng hoạt động):  - Chọn điểm, chọn hộ (nêu các tiêu chí cụ thể, phù hợp để thực hiện mô hình)  - Cung cấp giống và vật tư (chủng loại, yêu cầu chất lượng, phương thức cung ứng,...)  - Đào tạo, tập huấn (thời gian, nội dung, phương pháp và yêu cầu học viên, giảng viên...)  - Thông tin tuyên truyền (đối tượng, cách thức, sự liên kết phối hợp...)  - Quản lý, kiểm tra, giám sát... | | | | | |
| **5** | **Tổng hợp nội dung, tiến độ, kinh phí thực hiện theo từng năm** | | | | | |
| **TT** | **Nội dung** | **Quy mô** | **Địa điểm** | **Thời gian (bắt đầu, kết thúc)** | **Tổ chức, cá nhân, thực hiện** | **Dự kiến kinh phí (tr.đ)** |
| 1 | Năm thứ nhất |  |  |  |  |  |
| a | Xây dựng mô hình |  |  |  |  |  |
|  | - Công việc 1 |  |  |  |  |  |
|  | - Công việc 2 |  |  |  |  |  |
| b | Đào tạo tập huấn |  |  |  |  |  |
|  | - Công việc 1 |  |  |  |  |  |
|  | - Công việc 2 |  |  |  |  |  |
| c | Thông tin, tuyên truyền |  |  |  |  |  |
|  | - Công việc 1 |  |  |  |  |  |
|  | - Công việc 2 |  |  |  |  |  |
| d | Quản lý dự án |  |  |  |  |  |
|  | - Công việc 1 |  |  |  |  |  |
|  | - Công việc 2 |  |  |  |  |  |
| 2 | Năm thứ 2 |  |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |
| 3 | Năm thứ 3 |  |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |
| **6** | **Tổng hợp nội dung, kinh phí thực hiện dự án theo địa phương** | | | | | |
|  | Năm 20... |  |  |  |  |  |
| **TT** | **Nội dung dự án** | **Tỉnh/thành phố** | | | | **Cộng** |
| **A** | **B** | **C** | **....** |  |
| **I** | **Xây dựng mô hình** |  |  |  |  |  |
| 1 | Mô hình |  |  |  |  |  |
|  | Quy mô mô hình (ha, con vật nuôi...) |  |  |  |  |  |
|  | Số điểm trình diễn (cấp xã/phường) |  |  |  |  |  |
|  | Kinh phí hỗ trợ giống, vật tư (triệu đồng) |  |  |  |  |  |
| 2 | Tập huấn trong mô hình |  |  |  |  |  |
|  | Số lớp |  |  |  |  |  |
|  | Số người |  |  |  |  |  |
|  | Kinh phí (triệu đồng) |  |  |  |  |  |
| 3 | Tổng kết mô hình |  |  |  |  |  |
|  | Số hội nghị |  |  |  |  |  |
|  | Số người |  |  |  |  |  |
|  | Kinh phí (triệu đồng) |  |  |  |  |  |
| 4 | Cán bộ chỉ đạo |  |  |  |  |  |
|  | Số người |  |  |  |  |  |
|  | Kinh phí (triệu đồng) |  |  |  |  |  |
| **II** | **Đào tạo, tập huấn nhân rộng mô hình** |  |  |  |  |  |
|  | Số lớp |  |  |  |  |  |
|  | Số người |  |  |  |  |  |
|  | Kinh phí (triệu đồng) |  |  |  |  |  |
| **III** | **Thông tin, tuyên truyền** |  |  |  |  |  |
|  | Số hội nghị thăm quan mô hình |  |  |  |  |  |
|  | Số hội nghị, hội thảo vùng/miền |  |  |  |  |  |
|  | Kinh phí (triệu đồng) |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Quản lý dự án (triệu đồng)** |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG KINH PHÍ (triệu đồng)** |  |  |  |  |  |

**III. KẾT QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Kết quả/sản phẩm của dự án và yêu cầu chất lượng cần đạt** | | | |
| **Số TT** | **Chỉ tiêu/ nội dung** | **Số lượng** | **Chất lượng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| **2** | **Tác động và lợi ích mang lại của dự án** | | | |
| a | Đối với sản xuất (Nêu dự kiến những tác động của dự án đối với sản xuất, người nông dân) | | | |
| b | Đối với kinh tế - xã hội và môi trường (Nêu dự kiến những tác động của dự án đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường) | | | |

**IV. CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THAM GIA DỰ ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Các tổ chức chủ trì/ phối hợp thực hiện Dự án** | | | | | |
|  | **Tên tổ chức** | **Địa chỉ** | **Nhiệm vụ được giao thực hiện trong dự án** | | **Địa điểm triển khai** | **Kinh phí (tr. đ)** |
| 1 |  |  |  | |  |  |
| 2 |  |  |  | |  |  |
| ... |  |  |  | |  |  |
| **2** | **Cá nhân thực hiện dự án (Ghi các cá nhân thực hiện chính, tối đa 10 người)** | | | | | |
|  | **Họ và tên** | **Cơ quan công tác** | | **Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi)** | | |
| 1 |  |  | |  | | |
| 2 |  |  | |  | | |
| ... |  |  | |  | | |

**V. KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Kinh phí cho từng nội dung** | | | |
| **Xây dựng mô hình** | **Đào tạo tập huấn** | **Thông tin tuyên truyền** | **Quản lý dự án** |
|  | Tổng kinh phí |  |  |  |  |  |
|  | Trong đó: |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguồn vốn NSNN |  |  |  |  |  |
|  | - Năm thứ nhất: |  |  |  |  |  |
|  | - Năm thứ hai: |  |  |  |  |  |
|  | - Năm thứ ba: |  |  |  |  |  |
| 2 | Nguồn vốn đối ứng |  |  |  |  |  |
|  | - Năm thứ nhất: |  |  |  |  |  |
|  | - Năm thứ hai: |  |  |  |  |  |
|  | - Năm thứ ba: |  |  |  |  |  |
| 3 | Nguồn vốn khác |  |  |  |  |  |
|  | - Năm thứ nhất: |  |  |  |  |  |
|  | - Năm thứ hai: |  |  |  |  |  |
|  | - Năm thứ ba: |  |  |  |  |  |

**Tổng hợp phân bổ nội dung, kinh phí các đơn vị tham gia:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đơn vị/tổ chức thực hiện** | **Quy mô** | **Tổng kinh phí (tr.đ)** | **Trong đó** | | | | **Ghi chú** |
| **Xây dựng mô hình** | **Đào tạo tập huấn** | **Thông tin tuyên truyền** | **Quản lý** |  |
| 1 | Tổ chức chủ trì |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |  |  |  |

(Có tổng hợp dự toán kinh phí dự án kèm theo)

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ NHIỆM DỰ ÁN** *(Họ tên, chữ ký)* | *...…, ngày … tháng … năm 20...* **THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN** *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**MẪU BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG***(Kèm theo Thuyết minh dự án)*

**I. XÂY DỰNG MÔ HÌNH TRÌNH DIỄN**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Tổng cộng** | **Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước** | | | | | | **Kinh phí đối ứng** | **Nguồn khác** | **Ghi chú** |
| **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | |  |
| **Số lượng** | **Thành tiền** | **Số lượng** | **Thành tiền** | **Số lượng** | **Thành tiền** |  |  |  |
| **A** | **B** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| 1 | Giống[[1]](#_ftn1) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Vật tư thiết yếu1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Công cán bộ chỉ đạo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Tập huấn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Tổng kết mô hình |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II. ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Tổng cộng** | **Kinh phí hỗ trợ từ NSNN** | | | | | | **Kinh phí đối ứng** | **Nguồn khác** | **Ghi chú** |
| **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | |  |  |
| **Số lượng** | **Thành tiền** | **Số lượng** | **Thành tiền** | **Số lượng** | **Thành tiền** |  |  |  |
| **A** | **B** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| 1 | Thuê Hội trường, trang thiết bị |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | In ấn tài liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Giảng viên hướng dẫn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bồi dưỡng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đi lại |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tiền ở.. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Học viên |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đi lại |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tiền ăn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tiền ở |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tài liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nước uống |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Văn phòng phẩm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Vật tư thực hành |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Chi khác: Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**III. THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Tổng cộng** | **Kinh phí hỗ trợ từ NSNN** | | | | | | **Kinh phí đối ứng** | **Nguồn khác** | **Ghi chú** |
| **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | |  |
| **Số lượng** | **Thành tiền** | **Số lượng** | **Thành tiền** | **Số lượng** | **Thành tiền** |  |  |  |
| **A** | **B** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| 1 | Thông tin |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Tài liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Hội thảo đầu bờ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Hội thảo vùng miền |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Tuyên truyền (báo đài...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**IV. QUẢN LÝ DỰ ÁN** (1.000 đồng):

**V. TỔNG CỘNG (I+II+III+IV):**

(Số tiền viết bằng chữ: ..................................................................................................... )

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ NHIỆM DỰ ÁN** *(Họ tên, chữ ký)* | **KẾ TOÁN TRƯỞNG** *(Họ tên, chữ ký)* | **THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC CHỦ TRÌ** *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** Kèm theo biểu tổng hợp dự toán là các biểu dự toán chi tiết theo địa điểm, địa bàn, mô hình thực hiện với tỷ lệ hỗ trợ của NSNN khác nhau